

CTCP THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
ĐẾN Số: 744
Ngày 11/8/2015
Chuyên:.....

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 35

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Hiến	Thành viên
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Trung Dương	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Phương	Trưởng ban
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Đỗ Thị Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Thắng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Nguyễn Quang Thắng ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax : + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61201381/17835963

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2015 và được trình bày từ trang 4 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sâu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

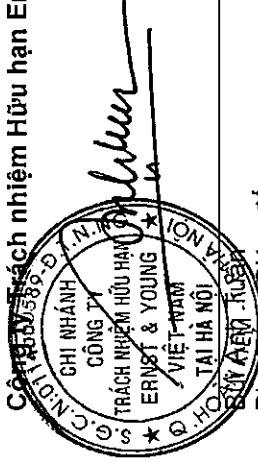
Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 3 năm 2015. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 16 tháng 7 năm 2014.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Pho Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		435.122.950.699	498.415.832.709
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	148.512.442.528	275.153.556.209
111	1. Tiền		19.244.187.962	15.726.605.053
112	2. Các khoản tương đương tiền		129.268.254.566	259.426.951.156
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		160.217.109.429	112.593.354.050
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	160.217.109.429	112.593.354.050
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		118.734.889.930	103.906.179.701
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	110.219.088.522	85.575.658.324
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.785.180.000	3.277.278.006
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.326.769.937	15.739.391.900
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(596.148.529)	(686.148.529)
140	IV. Hàng tồn kho		7.658.508.812	6.710.325.549
141	1. Hàng tồn kho	8	7.658.508.812	6.710.325.549
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	52.417.200
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	52.417.200
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		469.900.587.026	481.493.986.418
220	I. Tài sản cố định		435.570.158.489	446.603.793.683
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	417.021.602.862	427.916.800.669
222	Nguyên giá		1.420.268.906.765	1.407.802.477.924
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.003.247.303.903)	(979.885.677.255)
227	Tài sản cố định vô hình	10	18.548.555.627	18.686.993.014
228	Nguyên giá		20.635.322.400	20.558.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.086.766.773)	(1.871.329.386)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		1.711.428.537	2.271.192.735
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.711.428.537	2.271.192.735
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		32.619.000.000	32.619.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.2	32.619.000.000	32.619.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		905.023.537.725	979.909.819.127

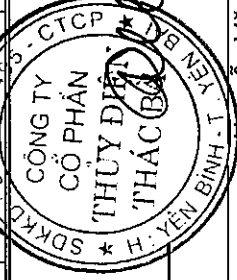
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

		Đơn vị tính: VNĐ		
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		29.326.560.464	56.772.680.049
310	I. Nợ ngắn hạn	12	29.326.560.464	56.772.680.049
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		840.258.044	8.698.516.903
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	49.382.400
313	3. Thuế và các khoản phải trả nộp Nhà nước	13	16.259.819.671	16.626.081.442
314	4. Phải trả người lao động		4.453.550.745	9.389.968.736
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	95.498.104	2.256.168.516
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.047.488.519	18.107.370.050
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.629.945.381	1.645.192.002
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		875.696.977.261	923.137.139.078
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	875.696.977.261	923.137.139.078
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu khác		54.622.305.562	42.155.876.721
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		94.878.299.015	107.344.727.856
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		91.196.372.684	138.636.534.501
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.145.105.888	296.002.394
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		85.051.266.796	138.340.532.107
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		905.023.537.725	979.909.819.127

(Signature)



(Signature)

Lê Hồng Minh
Người lập

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

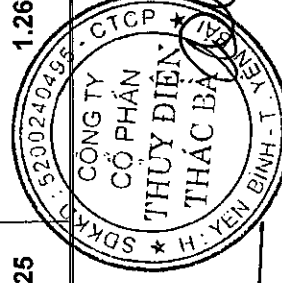
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	159.432.398.132	176.020.243.256
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	159.432.398.132	176.020.243.256
11	4. Giá vốn hàng bán	19	52.184.053.118	70.234.313.498
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		107.248.345.014	105.785.929.758
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	10.949.498.620	10.576.000.413
22	7. Chi phí tài chính		1.183.756	2.048.913
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	12.116.640.045	14.531.461.404
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		106.080.019.833	101.828.419.854
31	11. Thu nhập khác		65.284.465	79.354.864
32	12. Chi phí khác		14.972.629	28.516.607
40	13. Lợi nhuận khác		50.311.836	50.838.257
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		106.130.331.669	101.879.258.111
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	21.079.064.873	20.596.286.514
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		85.051.266.796	81.282.971.597
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.261	1.201
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	1.261	1.201



Lê Hồng Minh
Người lập

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

		Đơn vị tính: VNĐ		
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		106.130.331.669	101.879.258.111
02	Lợi nhuận trước thuế		23.548.698.879	32.346.289.294
03	Điều chỉnh cho các khoản: Khấu hao và hao mòn		(90.000.000)	(294.113.181)
04	Các khoản dự phòng		(2.795.461)	-
05	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.2	(10.946.703.159)	(10.576.000.413)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		118.639.531.928	123.355.433.811
09	Tăng các khoản phải thu		(14.156.300.339)	(31.648.408.503)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(948.183.263)	852.130.248
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(11.287.468.971)	353.403.608
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22.2	(18.137.951.676)	(9.938.573.326)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		241.459.965	1.420.556.836
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.964.253.785)	(3.458.658.810)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		69.386.833.859	80.935.883.864
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(23.008.280.891)	(4.044.686.941)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(95.050.274.084)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		47.426.518.705	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.364.293.269	10.990.131.441
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(60.267.743.001)	6.945.444.500

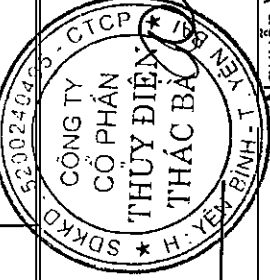
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(135.763.000.000)	(88.884.290.494)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(135.763.000.000)	(88.884.290.494)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(126.643.909.142)	(1.002.962.130)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		275.153.556.209	339.638.497.004
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.795.461	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	148.512.579.116	338.635.534.874



(Handwritten signature)

Lê Hồng Minh
Người lập

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 11 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại Khu 8, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 140 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 141).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức số kế toán áp dụng

Hình thức số kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bảng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

Trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao cho các tài sản là Tổ máy phát điện số 1 và Tổ máy phát điện số 3 từ 10 năm tăng lên 20 năm. Anh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 nếu Công ty áp dụng tỷ lệ khấu hao cho các tài sản này như trong các năm/kỳ tài chính trước sẽ làm tăng lợi nhuận trước thuế của Công ty với số tiền ước tính là 6,1 tỷ đồng.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng cho các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐ ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14 tháng 1 năm 2015 ký giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngân hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	2.033.503.311	132.648.268
Tiền gửi ngân hàng	17.210.684.651	15.593.956.785
Các khoản tương đương tiền	129.268.254.566	259.426.951.156
TỔNG CỘNG	148.512.442.528	275.153.556.209

Trong đó:

Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	129.268.254.566	206.515.255.582
Tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng là bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	52.911.695.574

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi bằng VNĐ tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 2 đến 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,3% - 4,6%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

5.1 Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Đơn vị tính: VNĐ		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc
- Tiền gửi có kỳ hạn	160.217.109.429	160.217.109.429	112.593.354.050
TỔNG CỘNG	160.217.109.429	160.217.109.429	112.593.354.050

Trong đó:

Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	105.710.791.763	105.710.791.763	112.593.354.050
Tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng là bên liên quan (Thuyết minh số 23)	54.506.317.666	54.506.317.666	-

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Đơn vị tính: VNĐ		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VNĐ	Số lượng (cổ phiếu)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000
TỔNG CỘNG	3.000.000	32.619.000.000	3.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nắm giữ 0.6% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do các cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu của khách hàng	2.522.851.143	2.833.034.324
Phải thu của khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 23)	107.696.237.379	82.742.624.000
TỔNG CỘNG	110.219.088.522	85.575.658.324
Dự phòng phải thu khó đòi	(596.148.529)	(686.148.529)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Tiền bán điện (Thuyết minh số 23)	-	8.356.038.352
Phải thu tiền lãi	3.526.899.483	2.944.489.593
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của cán bộ công nhân viên của Công ty	2.022.496.946	2.711.392.067
Tạm ứng cho nhân viên	1.633.172.837	1.174.181.670
Phải thu khác	144.200.671	553.290.218
TỔNG CỘNG	7.326.769.937	15.739.391.900

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	7.207.755.495	-	6.321.880.827	-
Công cụ, dụng cụ	450.753.317	-	388.444.722	-
TỔNG CỘNG	7.658.508.812	-	6.710.325.549	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND	Nguyên giá:					
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	- Đầu tư XD CB hoàn thành	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	Trong đó:	Đã khấu hao hết	Gia trị hao mòn lũy kế:
Nhà cửa, vật kiến trúc	632.439.611.799	-	632.439.611.799	765.015.742.394	17.724.176.684	11.570.339.669
Máy móc thiết bị	752.549.313.553	12.466.428.841	17.724.176.684	17.724.176.684	4.971.921.343	11.570.339.669
Phương tiện vận tải	17.724.176.684	-	4.971.921.343	4.971.921.343	4.336.138.692	11.570.339.669
Thiết bị văn phòng	117.454.545	-	117.454.545	4.336.138.692	4.336.138.692	11.570.339.669
Tài sản cố định khác	1.407.802.477.924	12.466.428.841	1.420.268.906.765	1.420.268.906.765	1.420.268.906.765	1.420.268.906.765
Tổng cộng	2.349.566.804.825	24.932.857.682	2.374.500.662.447	2.374.500.662.447	2.374.500.662.447	2.374.500.662.447
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	586.494.385.629	14.487.081.904	3.237.094.780
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	305.916.530	72.262.454	3.237.094.780
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	72.262.454	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.255	178.521.356.765
	3.237.094.780	-	3.543.011.310	305.916.530	979.885.677.255	3.237.094.780
	226.184.963	-	298.447.417	4.673.473.926	31.420.288	226.184.963
	80.161.529	-	86.034.257	5.872.728	979.885.677.255	80.161.529
	417.021.602.862	-	427.916.800.669	23.361.626.648	979.885.677.255	417.021.602.862
	234.956.804.825	-	244.717.166.041	9.760.361.216	979.885.677.255	234.956.804.825
	178.521.356.765	-	179.272.141.644	13.217.213.720	979.885.677.	

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá:	Đơn vị tính: VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	20.558.322.400	-	20.558.322.400
- Mua trong kỳ	-	77.000.000	77.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.871.329.386	-	1.871.329.386
- Khấu trừ trong kỳ	205.583.224	9.854.163	215.437.387
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	2.076.912.610	9.854.163	2.086.766.773
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	18.686.993.014	-	18.686.993.014
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	18.481.409.790	67.145.837	18.548.555.627

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Xây dựng cơ bản		
Cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ hồ chứa Trường THCS Yên Bình	1.645.928.609	-
Khác	65.499.928	957.027.906
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Sửa chữa hội trường lớn	-	497.835.138
Sửa chữa nhà ăn ca	-	500.285.472
Đại tu các ngăn lộ điều khiển đường dây 110KV	-	301.020.000
TỔNG CỘNG	1.711.428.537	2.271.192.735

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Ban Mai	-	-	6.673.150.000	6.673.150.000
Công ty Xây dựng số 3 tỉnh Yên Bái	338.907.196	338.907.196	1.425.444.250	1.425.444.250
Khác	501.350.848	501.350.848	599.922.653	599.922.653
TỔNG CỘNG	840.258.044	840.258.044	8.698.516.903	8.698.516.903

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Đơn vị tính: VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 22.2)	7.110.180.348	21.079.064.873	(18.137.951.676)	10.051.293.545	
Thuế giá trị gia tăng	6.331.742.951	12.049.954.032	(14.278.403.676)	4.103.293.307	
Thuế tài nguyên	3.184.158.143	13.833.531.292	(15.102.259.904)	1.915.429.531	
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.691.633.096	(1.501.829.808)	189.803.288	
TỔNG CỘNG	16.626.081.442	48.654.183.293	(49.020.445.064)	16.259.819.671	

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Đơn vị tính: VND
Ngắn hạn			
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	95.498.104	1.299.140.610	
Trích trước ứng hộ Trường THCS Yên Bình	-	957.027.906	
TỔNG CỘNG	95.498.104	2.256.168.516	

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Đơn vị tính: VND
Ngắn hạn			
Phí môi trường rừng	2.524.075.400	2.018.526.400	
Chi phí ủng hộ xây dựng Trường THCS Yên Bình	1.000.000.000	1.000.000.000	
Cổ tức phải trả	188.143.265	8.828.097.525	
Chi phí mua sắm thiết bị	-	3.872.220.000	
Tiền thưởng cho nhân viên	-	1.869.543.128	
Khác	335.269.854	518.982.997	
TỔNG CỘNG	4.047.488.519	18.107.370.050	

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	635.000.000,000	23.057.817.779	93.701.261.954	6.155.588.270	150.394.716.434	908.309.384.437
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	81.282.971.597	81.282.971.597
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	-	22.734.545.275	3.851.391.299	(26.585.936.574)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.000.000,000)	(5.000.000,000)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(156.519.294)	(156.519.294)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(88.900.000,000)	(88.900.000,000)
Thụ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(246.258.172)	(246.258.172)
Điều chuyển quỹ sang Vốn khác của Chủ sở hữu	-	310.500,000	(310.500,000)	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	635.000.000,000	23.368.317.779	116.125.307.229	10.006.979.569	110.788.973.991	895.289.578.568
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (<i>Trình bày lại</i>)	635.000.000,000	42.155.876.721	107.344.727.856	-	138.636.534.501	923.137.139.078
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	85.051.266.796	85.051.266.796
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.000.000,000)	(5.000.000,000)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(172.483.321)	(172.483.321)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(127.000.000,000)	(127.000.000,000)
Thụ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(318.945.292)	(318.945.292)
Điều chuyển quỹ sang Vốn khác của Chủ sở hữu	-	12.466.428.841	(12.466.428.841)	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	635.000.000,000	54.622.305.562	94.878.299,015	-	91.196.372,684	875.696.977,261

Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức và trích thụ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 được thực hiện theo Nghị quyết số 65/4/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Tổng số	Cổ phiếu thường ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000
TỔNG CỘNG	63.500.000	63.500.000	63.500.000	63.500.000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Cổ đông	Đơn vị tính: VNĐ	
	Vốn điều lệ đã góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (Công ty mẹ)	381.635.000.000	60,10%
Vốn góp của Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3	190.500.000.000	30,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	62.865.000.000	9,90%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

16.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VNĐ	
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
-	-
-	88.900.000.000

Cổ tức đã công bố trong kỳ

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông
Cổ tức cho năm 2014: VNĐ 2.000/cổ phiếu
Tạm ứng cổ tức cho năm 2013: VNĐ 1.400/cổ phiếu

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2014: 10.000 đồng Việt Nam).

17. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	395	402
- Đô la Singapore (SGD)	4.840	4.840

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Đơn vị tính: VND
Tổng doanh thu	159.432.398.132	176.020.243.256	
Trong đó			
Doanh thu bán điện	155.795.164.792	174.108.083.667	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.637.233.340	1.912.159.589	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
Doanh thu thuần	159.432.398.132	176.020.243.256	

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VNĐ
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.146.703.159
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.795.461
TỔNG CỘNG	10.949.498.620
	10.576.000.413

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VNĐ
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Giá vốn của hoạt động bán điện	49.571.009.582
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.613.043.536
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
TỔNG CỘNG	52.184.053.118
	70.234.313.498

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VNĐ
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Chi phí nhân công	5.103.183.520
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.193.583.127
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.819.873.398
TỔNG CỘNG	12.116.640.045
	14.531.461.404

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.363.513.098	4.171.690.948
Chi phí nhân công	12.251.085.681	20.145.233.224
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	23.548.698.879	32.346.609.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.683.181.011	2.323.494.149
Chi phí khác	25.454.214.494	25.778.747.287
TỔNG CỘNG	64.300.693.163	84.765.774.902

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Công văn số 4023/TCCT-CS do Tổng cục Thuế ban ngày 13 tháng 10 năm 2008 về chính sách ưu đãi thuế, đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ thời điểm Công ty được thành lập và theo mức thuế suất hiện hành cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo. Năm 2013 và năm 2015 lần lượt là các năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế TNDN và được hưởng mức thuế suất ưu đãi 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.079.064.873	20.596.286.514
TỔNG CỘNG	21.079.064.873	20.596.286.514

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Theo TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	106.130.331.669	101.879.258.111
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	50.647.774	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.800.000.000)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.795.461)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	104.378.183.982	101.879.258.111
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	21.079.064.873	20.596.286.514
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	7.110.180.348	3.883.783.030
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(18.137.951.676)	(9.938.573.326)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	10.051.293.545	14.541.496.218

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	155.795.164.792	174.108.083.667
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	64.800.376.000	21.307.843.200
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	46.863.000.000	26.670.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền lãi cho vay	1.352.110.154	1.701.583.867
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	Bên liên quan với cổ đông lớn	Mua hàng	13.655.910.891	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VNĐ
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)			
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	54.506.317.666
			<u>54.506.317.666</u>

Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)

Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	107.696.237.379
			<u>107.696.237.379</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VNĐ
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 4)			
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	52.911.695.574
			<u>52.911.695.574</u>

Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)

Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	82.742.624.000
			<u>82.742.624.000</u>

Phải thu khác (Thuyết minh số 7)

Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện chưa phát hành hóa đơn	8.356.038.352
			<u>8.356.038.352</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VNĐ	Đơn vị tính: VNĐ	
Lương và thưởng	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	910.368.147	1.023.891.310
TỔNG CỘNG	<u>910.368.147</u>	<u>1.023.891.310</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản cam kết khoảng 21,4 tỷ VNĐ chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm các máy móc mới phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VNĐ	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	85.051.266.796	81.282.971.597
Quyền khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong kỳ	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	80.051.266.796	76.282.971.597
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Lãi trên cổ phiếu	1.261	1.201
- Lãi cơ bản	1.261	1.201
- Lãi suy giảm	1.261	1.201

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ.

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Do đặc thù Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không thực hiện lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng các biện pháp kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty không có rủi ro về ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình hình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4 và 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

	Đơn vị tính: VNĐ		
	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm	
	< 90 ngày	91–180 ngày	> 180 ngày
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	116.949.709.930	102.783.444.987	3.890.718.019
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	100.628.901.695	91.430.577.914	7.362.120.601
			- 1.836.203.180

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

Đơn vị tính: VNĐ

Bắt kỳ thời điểm nào

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Phải trả người bán

Chi phí phải trả và phải trả khác

840.258.044

4.142.986.623

4.983.244.667

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phải trả người bán

Chi phí phải trả và phải trả khác

8.698.516.903

20.363.538.566

29.062.055.469

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các công cụ này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

29. PHÂN LOẠI LẠI MỘT SỐ DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)	Đơn vị tính: VND
123	Đầu tư ngắn hạn	112.593.354.050	(112.593.354.050)	-
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	112.593.354.050	112.593.354.050
136	Phải thu ngắn hạn khác	14.565.210.230	1.174.181.670	15.739.391.900
155	Tài sản ngắn hạn khác	1.174.181.670	(1.174.181.670)	-
418	Quỹ dự phòng tài chính	10.006.979.569	(10.006.979.569)	-
	Quỹ đầu tư phát triển	97.337.748.287	10.006.979.569	107.344.727.856

Ngoài ra, chỉ tiêu về lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200 như được trình bày tại Thuyết minh số 25.

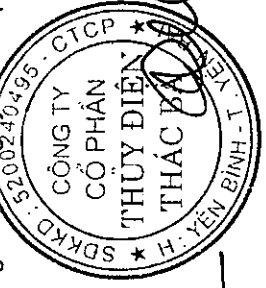
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.





Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

